TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 5 – 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Ông Huỳnh Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Phương Á, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số F4/114C, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nông Văn K , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F4/114C, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Á, anh K đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021, 30/11/2021, bản tự khai đề ngày 31/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Phương Á trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn K quen biết tìm hiểu được 04 năm rồi vợ chồng đi đến UBND xã Q, huyện Thống Nhất đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2010.

Sau khi kết hôn xong thì anh K ở rể tại nhà chị tại số F4/114C ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 và trầm trọng kể từ giữa ngày 17/6/2020 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tính không hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, chị nghi ngờ anh K không chung thủy, cụ thể chị đã nhiều lần đọc được những tin nhắn tình cảm giữa anh K và người phụ nữ khác. Chị có hỏi lại anh K và anh K thừa nhận nên vợ chồng xảy ra xô xát. Chị và anh K đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Đến tháng 8/2020 chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, khi được hòa giải và anh K hứa thay đổi nên chị đã rút đơn cho anh K một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên sau đó anh K vẫn chứng nào tật nấy.

Kể từ tháng 6/2021 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Ktuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nông Khánh N, sinh ngày 24/01/2011 và Nông Khánh Đ, sinh ngày 06/8/2014. Khi ly hôn chị Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề may, thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nông Văn K vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Phương Á được ly hôn với anh Nông Văn K.

+ Về con chung: Giao cháu Nông Khánh N, sinh ngày 24/01/2011 và Nông Khánh Đ, sinh ngày 06/8/2014 cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Nông Văn K hiện đang cư trú tại số F4/114C, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Phương Á và anh Nông Văn K tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2010. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh K và chị Á là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Á trình bày vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2019 và trầm trọng từ năm 2020. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị A cho rằng anh K không tôn trọng chị và không chung thủy trong quan hệ vợ chồng làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do mẫu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tuy sống chung nhà nhưng anh chị không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án anh K không tham gia, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu

khởi kiện của chị Á. Tuy nhiên, qua kết quả thu thập chứng cứ lấy lời khai chị Nông Thị Hồng – là em dâu của chị Á và anh K xác định nhiều lần chứng kiến chị Á và anh K cãi vã xúc phạm danh dự nhau, thậm chí giữa hai bên còn xảy ra xô xát.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh K đã được tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng anh K đều vắng mặt, qua đó thể hiện việc anh K bỏ mặc, không còn mong muốn việc hàn gắn quan hệ hôn nhân của chị Á và anh K.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của chị Á và anh K đã thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, trong thời gian ly thân anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến không có điều kiện hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Xét thấy cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Á.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nông Khánh N, sinh ngày 24/01/2011 và Nông Khánh Đ, sinh ngày 06/8/2014.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Nông Khánh N và Nông Khánh Đ nhận thấy: Hiện tại cháu Nông Khánh N và Nông Khánh Đ đang sống chung với chị Á và anh K tại nhà của gia đình chị, chị Á làm nghề may, thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng ổn định, ngoài ra chị có gia đình ông bà ngoại và các em phụ giúp việc trông nom các con và đưa đón các cháu đi học, tính chất công việc của chị làm tại nhà không phải đi lại nên có thời gian chăm sóc cho các con. Với mức thu nhập và những điều kiện cần thiết như trên chị Á có đủ điều kiện để tiếp tục chăm lo cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Nông Khánh N và Nông Khánh Đ cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị Á không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên tạm thời anh Khánh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Á không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của chị Phạm Phương Ánh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Phương Á ly hôn anh Nông Văn K.

2. Về con chung:

Giao cháu Nông Khánh N, sinh ngày 24/01/2011 và Nông Khánh Đ, sinh ngày 06/8/2014 cho chị Phạm Phương Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nông Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Phương Á không yêu cầu.

Anh Nông Văn K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Phạm Phương Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003391 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Á đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Phương Á và anh Nông Văn K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 123 quyển số 01 ngày 11/8/2010);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ……. giờ …… phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất,- tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về "Xin ly hôn", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Ông Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trông tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thơm*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thơm.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bàu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thơm*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi …… giờ ……. phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**